

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 256/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024: 657.033 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 621.807 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng 35.226 triệu đồng, cụ thể:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 131.355 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 127.529 triệu đồng; ngân sách địa phương 3.826 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 422.108 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 398.908 triệu đồng; ngân sách địa phương 23.200 triệu đồng.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 103.570 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 95.370 triệu đồng; ngân sách địa phương 8.200 triệu đồng.

2. Chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các biểu số 01, 02, 03, 04 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./. *h*

Nơi nhận: *h*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; LĐTBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LDVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. *h*

CHỦ TỊCH



Phuong Thi Thanh

Biểu số 01**TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

(Kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		
			NSTW	NSDP	
1	2	3 = 4+5	4	5	6
	TỔNG SỐ	657.033	621.807	35.226	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	131.355	127.529	3.826	Chi tiết tại biểu số 02
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	422.108	398.908	23.200	Chi tiết tại biểu số 03
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	103.570	95.370	8.200	Chi tiết tại biểu số 04

Biểu số 02

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HDND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình/đơn vị	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện		
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)			
				Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương								Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
	TỔNG							478.548	464.610	13.938	131.355	127.529	3.826	
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH							77.228	74.979	2.249	25.047	24.317	730	
	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững							77.228	74.979	2.249	25.047	24.317	730	
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - tỉnh điều hành</i>							77.228	74.979	2.249	25.047	24.317	730	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>													
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và các công trình phụ trợ phục vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 tại trường Cao đẳng Bắc Kan	2022-2025	2036/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	77.228	74.979	2.249	77.228	74.979	2.249	25.047	24.317	730	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH							401.320	389.631	11.689	106.308	103.212	3.096	
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo							401.320	389.631	11.689	106.308	103.212	3.096	
1	Huyện Ngân Sơn							196.047	190.337	5.710	51.933	50.420	1.512	UBND huyện Ngân Sơn
2	Huyện Pác Nặm							205.273	199.294	5.979	54.376	52.792	1.584	UBND huyện Pác Nặm

Biểu số 03

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
	TỔNG					1.522.541	1.437.632	84.909	422.108	398.908	23.200		
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH					679.211	636.240	42.971	207.215	196.492	10.723		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					126.092	121.865	4.227	11.786	11.786	0		
	<i>Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>					<i>126.092</i>	<i>121.865</i>	<i>4.227</i>	<i>11.786</i>	<i>11.786</i>	<i>0</i>		
	<i>Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2024</i>												
1	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022	2022-2025	1394/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; 6587/UBND-NNTNMT ngày 04/10/2022	83.711	79.958	3.753	66.561	63.566	2.995	3.286	3.286	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
2	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023 - 2025	2023-2025	2586/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	59.531	58.299	1.232	59.531	58.299	1.232	8.500	8.500	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
II	DỰ ÁN 2 - QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT			169.158	160.913	8.245	169.158	160.913	8.245	62.549	60.167	2.382	
	<i>Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2024</i>												
1	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	16.000	15.200	800	16.000	15.200	800	9.442	9.142	300	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
2	Dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.	2022-2024	2084/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	50.000	47.665	2.335	50.000	47.665	2.335	12.760	11.425	1.335	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
3	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngươi và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	2023-2025	1719/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	12.500	11.800	700	12.500	11.800	700	5.900	5.900	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
4	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2023-2025	1861/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	37.615	35.733	1.882	37.615	35.733	1.882	14.691	14.000	691	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>												
5	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Đám, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2227/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	13.500	12.825	675	13.500	12.825	675	4.600	4.600	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
6	Dự án: Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.	2022-2025	635/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	27.000	25.650	1.350	27.000	25.650	1.350	9.356	9.300	56	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
7	Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.543	12.040	503	12.543	12.040	503	5.800	5.800	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
III	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN						162.792	142.825	19.967	39.419	32.539	6.880	
III.1	<i>Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>						18.442	17.520	922	1.506	1.457	49	
	<i>Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2024</i>												
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2024	1962/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	10.370	9.852	518	10.370	9.852	518	506	457	49	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.072	7.668	404	8.072	7.668	404	1.000	1.000	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III.2	<i>Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn</i>						3.209	3.056	153	1.534	1.534	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đổi ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn	2023-2025	1914/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.209	3.056	153	3.209	3.056	153	1.534	1.534	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III.3	<i>Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)</i>						141.141	122.249	18.892	36.379	29.548	6.831	
	<i>Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành năm 2024</i>												
1	Đường Nông Hạ - Khe Thi. ĐH.75	2022-2024	1873/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.686	12.771	1.915	14.686	12.771	1.915	1.560	428	1.132	Ban QLDA ĐTXD CTGT
2	Đường liên xã Cao Sơn - Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	23.878	21.416	2.462	23.878	21.416	2.462	11.716	9.875	1.841	Ban QLDA ĐTXD CTGT
3	Đường Bình Trung-Trung Minh (Tuyên Quang)	2022-2024	1845/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	10.506	9.136	1.370	10.506	9.136	1.370	1.214	488	726	Ban QLDA ĐTXD CTGT
4	Đường từ trung tâm xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn đến xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	2022-2024	1758/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	7.025	6.109	916	7.025	6.109	916	446	40	406	Ban QLDA ĐTXD CTGT
5	Đường liên thôn Phiêng Gián (xã Phúc Lộc) - Lũng Pjầu (Yên Dương)	2022-2024	2214/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	5.193	4.576	617	5.193	4.576	617	717	433	284	Ban QLDA ĐTXD CTGT
6	Đường Nghiễn Loan - Cồ Linh	2022-2024	1619/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	8.096	7.040	1.056	8.096	7.040	1.056	1.242	723	519	Ban QLDA ĐTXD CTGT
7	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đông Xá	2022-2024	2005/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	25.466	22.400	3.066	25.466	22.400	3.066	3.357	1.561	1.796	UBND huyện Na Rì
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
8	Đường Yên Cư - Cao Kỳ	2023-2025	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	24.240	21.078	3.162	13.000	13.000	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT
9	Đường liên xã Quang thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới	2023-2025	967/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	12.051	10.479	1.572	12.051	10.479	1.572	2.627	2.500	127	Ban QLDA ĐTXD CTGT
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư</i>												
10	Đường Quảng Bạch - Bàn Thi	2024-2025		12.000	7.244	2.756	10.000	7.244	2.756	500	500		UBND huyện Chợ Đồn
IV	DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC						158.200	150.667	7.533	72.461	72.000	461	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2025	2034/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	52.171	49.667	2.504	52.171	49.667	2.504	2.000	2.000	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	1913/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	106.029	101.000	5.029	106.029	101.000	5.029	70.461	70.000	461	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM						62.969	59.970	2.999	21.000	20.000	1.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
1	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	137.969	59.970	2.999	62.969	59.970	2.999	21.000	20.000	1.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH						843.330	801.392	41.938	214.893	202.416	12.477	
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT						55.905	51.465	4.440	21.087	19.235	1.852	
	<i>Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất - phân cấp huyện điều hành</i>						55.905	51.465	4.440	21.087	19.235	1.852	
1	Huyện Chợ Mới						5.046	4.618	428	1.888	1.720	168	UBND Huyện Chợ Mới
2	Huyện Chợ Đồn						7.681	7.085	596	4.415	4.075	340	UBND huyện Chợ Đồn
3	Huyện Ngân Sơn						5.243	4.795	448	1.848	1.680	168	UBND huyện Ngân Sơn
4	Huyện Bạch Thông						4.590	4.230	360	1.892	1.720	172	UBND huyện Bạch Thông
5	Huyện Na Rì						9.796	9.020	776	3.036	2.760	276	UBND huyện Na Rì
6	Huyện Pác Nặm						14.482	13.370	1.112	4.840	4.400	440	UBND huyện Pác Nặm
7	Huyện Ba Bể						9.068	8.348	720	3.168	2.880	288	UBND huyện Ba Bể

TT	Tên dự án, công trình	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện
			Số Quyết định, ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng	Trong đó:		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					787.425	749.927	37.498	193.806	183.181	10.625	
	<i>Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn ĐBKK</i>					787.425	749.927	37.498	193.806	183.181	10.625	
1	Huyện Chợ Mới					94.569	90.066	4.503	23.216	21.940	1.276	UBND Huyện Chợ Mới
2	Huyện Chợ Đồn					120.748	114.998	5.750	30.143	28.513	1.630	UBND huyện Chợ Đồn
3	Huyện Ngân Sơn					92.936	88.510	4.426	22.815	21.561	1.254	UBND huyện Ngân Sơn
4	Huyện Bạch Thông					99.142	94.421	4.721	24.339	23.001	1.338	UBND huyện Bạch Thông
5	Huyện Na Rì					154.894	147.518	7.376	38.025	35.935	2.090	UBND huyện Na Rì
6	Huyện Pác Nặm					101.338	96.512	4.826	24.877	23.510	1.367	UBND huyện Pác Nặm
7	Huyện Ba Bể					122.293	116.469	5.824	30.022	28.372	1.650	UBND huyện Ba Bể
8	Thành phố Bắc Kạn					1.505	1.433	72	369	349	20	UBND thành phố Bắc Kạn

Biểu số 4

PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2024		
		Tổng	NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng	NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng
	TỔNG CỘNG (Nội dung thành phần số 2)	495.142	450.580	44.562	103.570	95.370	8.200
	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH	495.142	450.580	44.562	103.570	95.370	8.200
1	Huyện Pác Nặm	44.348	42.236	2.112	18.375	17.500	875
2	Huyện Ngân Sơn	18.037	17.149	888	849	809	40
3	Huyện Chợ Đồn	193.014	163.349	29.665	41.642	36.391	5.251
4	Huyện Chợ Mới	54.341	51.474	2.867	9.341	8.896	445
5	Huyện Ba Bể	33.428	31.833	1.595	3.397	3.235	162
6	Huyện Bạch Thông	116.283	110.623	5.660	27.419	26.113	1.306
7	Huyện Na Rì	28.024	26.617	1.407	849	809	40
8	Thành phố Bắc Kạn	7.666	7.298	368	1.698	1.617	81